

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20- 4- 2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị T
2. Ông Hoàng Văn Đạo

- Thư ký phiên tòa: Ông Đồng Ngọc Ngoan, Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Mai Quỳnh, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2017 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2018/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị T, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Dương Công C, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Lương Thị N, sinh năm 1964

- Anh Dương Thời H, sinh năm 1986

- Anh Dương Thời T, sinh năm 1988

Đều có địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Dương Thị T trình bày:

Chị Dương Thị T và anh Dương Công C kết hôn với nhau vào năm 2006, trước khi kết hôn anh chị có được tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B vào ngày 29/9/2006. Sau khi kết hôn cuộc sống, tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên đến năm 2007, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh Dương Công C thường xuyên chửi, đánh chị, không chăm lo cho cuộc sống gia đình, nhiều lần đuổi chị ra khỏi nhà. Đến tháng 01 năm 2017 vợ chồng chị đã sống ly thân đến nay, không ai còn quan tâm đến nhau. Nay chị xét thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh Dương Công C nữa, chị yêu cầu được ly hôn với anh Dương Công C.

Về con chung: Chị Dương Thị T và anh Dương Công C có 01 người con chung tên là Dương Thị An N, sinh ngày 24/10/2008, hiện nay đang ở với anh Dương Công C. Khi ly hôn, chị Dương Thị T nhất trí để anh Dương Công C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi đủ 18 tuổi, chị Dương Thị T sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 800.000 đồng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung vợ chồng: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị Dương Thị T và anh Dương Công C có nợ mẹ đẻ chị Dương Thị T là bà Lương Thị N số tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng), nợ hai em trai chị Dương Thị T là Dương Thời H và anh Dương Thời T mỗi người là 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng). Tổng cộng nợ là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Khi ly hôn chị Dương Thị T yêu cầu mỗi người phải có trách nhiệm trả một phần nợ. Tuy nhiên, qua trình giải quyết vụ án anh Dương Công C không thừa nhận được vay số nợ trên, còn chị T vay ai, số tiền bao nhiêu anh không biết nên ngày 12/01/2018 chị Dương Thị T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị N, anh Dương Thời H và anh Dương Thời T đã có đơn rút yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung và cùng nhất trí không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn anh Dương Công C vắng mặt, tuy nhiên tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 12/01/2018 và đơn đề nghị ngày 20/3/2018, anh Dương Công C trình bày:

Anh Dương Công C và chị Dương Thị T kết hôn với nhau vào năm 2006 và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, bất đồng trong cách nuôi dạy con, vợ chồng thường xuyên hay cãi chửi nhau, không thể hòa giải được. Hiện nay chị Dương Thị T yêu cầu ly hôn đối với anh, anh cũng nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng anh Dương Công C với chị Dương Thị T có 01 người con chung tên là Dương Thị An N, sinh ngày 24/10/2008, hiện nay đang ở với anh Dương Công C. Khi ly hôn anh Dương Công C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi đủ 18 tuổi, anh Dương Công C yêu cầu chị Dương Thị T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3000.000

đồng (ba triệu đồng). Tuy nhiên, tại đơn trình bày đề ngày 20/3/2018, anh Dương Công C đã rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, cụ thể, khi ly hôn anh không yêu cầu chị Dương Thị T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung vợ chồng: Không có.

Tại bản khai và quá trình giải quyết vụ án những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị N, anh Dương Thời H, anh Dương Thời T trình bày: Bà Lương Thị N được cho vợ chồng anh Dương Công C và chị Dương Thị T vay 8.000.000 đồng (tám triệu đồng), anh Dương Thời T và anh Dương Thời H cho vay 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng), khi cho vay giữa các bên không viết giấy tờ gì. Quá trình giải quyết vụ án bà Lương Thị N, anh Dương Thời H và anh Dương Thời T yêu cầu vợ chồng anh Dương Công C và chị Dương Thị T khi ly hôn phải có trách nhiệm trả cho bà Lương Thị N và anh Dương Thời H, anh Dương Thời T số tiền trên. Tuy nhiên, qua trình giải quyết vụ án anh Dương Công C không thừa nhận được vay số nợ trên, nên ngày 12/01/2018 chị Dương Thị T có đơn rút yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung và bà Lương Thị N, anh Dương Thời H, anh Dương Thời T cũng cùng nhất trí không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại đơn xin xét xử vắng mặt, bà Lương Thị N, anh Dương Thời H và anh Dương Thời T đều có ý kiến đề nghị không yêu cầu Tòa án giải quyết về số nợ trên đối với chị Dương Thị T và anh Dương Công C. Tại đơn xin xét xử vắng mặt bà Lương Thị N, anh Dương Thời H và anh Dương Thời T cũng đều có ý kiến không yêu cầu Tòa án giải quyết số nợ trên.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán đã chấp hành đúng theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự về thủ lý vụ án, tiến hành lập hồ sơ, xác định quan hệ pháp luật, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu theo đúng quy định. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng thành phần, tuân thủ nguyên tắc xét xử, trình tự, thủ tục phiên tòa. Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ về thủ tục phiên tòa, ghi chép diễn biến phiên tòa theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Dương Thị T được ly hôn với anh Dương Công C; Về con chung: Giao cháu Dương Thị An Na cho anh Dương Công C được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục đến khi đủ 18 tuổi, chị Dương Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con vì anh Dương Công C không yêu cầu; chị Dương Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết vì các đương sự không yêu cầu. Về nợ chung: Do nguyên đơn chị Dương Thị T; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị N, anh Dương Thời

H và anh Dương Thời T trong quá trình giải quyết vụ án đã rút yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện về giải quyết khoản nợ chung của vợ chồng.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án gồm: Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Bản khai, Giấy chứng nhận kết hôn, giấy khai sinh con chung, sổ hộ khẩu, phiếu lương ... Tài liệu chứng cứ do bị đơn cung cấp: Bản khai, đơn trình bày, đơn đề nghị, Chứng minh nhân dân. Tài liệu, chứng cứ do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cung cấp: Bản khai, đơn yêu cầu rút giải quyết về nợ chung. Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Ý kiến của con chung đủ 07 tuổi; biên bản xác minh.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Chị Dương Thị T và anh Dương Công C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Lạng Sơn vào năm 2006, trước khi kết hôn được tìm hiểu; vợ chồng đều nhất trí ly hôn, có 01 người con chung tên là Dương Thị An N, sinh ngày 24/10/2008 hiện nay đang ở với anh Dương Công C; tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và yêu cầu giải quyết về con chung và nợ chung, vì vậy quan hệ pháp luật là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Dương Công C có hộ khẩu thường trú tại xã Đ, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B theo điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập, Thông báo cho các đương sự yêu cầu viết bản khai, cung cấp tài liệu chứng cứ và tham gia phiên họp và phiên hòa giải theo quy định. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Dương Thị T và những người liên quan bà Lương Thị N, anh Dương Thời H và anh Dương Thời T thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và Điều 71, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Dương Công C, chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 15,16 Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, anh Dương Công C đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 tiến hành xét xử vắng mặt anh Dương Công C.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Dương Thị T và anh Dương Công C là hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B vào ngày 29/9/2006. Sau khi kết hôn, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai vợ chồng không hòa hợp về tính cách, bất đồng về lối sống, anh C không chịu tu trí làm ăn, nhiều lần chửi và đuổi đánh chị Dương Thị T.

Vợ chồng sống ly thân từ tháng 01 năm 2017 đến nay không ai còn quan tâm đến nhau. Do vậy chị Dương Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Dương Công C. Về phía anh C, Tại phiên tòa vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 12/01/2018 và quá trình giải quyết vụ án, anh thừa nhận vợ chồng anh có mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cách nuôi dạy con. Nay chị Dương Thị T yêu cầu ly hôn với anh, anh cũng nhất trí.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, qua ý kiến trình bày của các bên đương sự cũng như các tài liệu, chứng cứ, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh C đã mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Dương Thị T là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Chị Dương Thị T và anh Dương Công C có 01 người con chung tên là Dương Thị An N, sinh ngày 24/10/2008, hiện nay đang ở với anh Dương Công C. Khi ly hôn, chị Dương Thị T nhất trí để anh Dương Công C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi đủ 18 tuổi, đó cũng là nguyện vọng của cháu Dương Thị An N, chị sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng).

[6] Tại phiên tòa hôm nay anh Dương Công C vắng mặt, nhưng quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Dương Công C có ý kiến anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi đủ 18 tuổi, anh không yêu cầu chị Dương Thị T phải cấp dưỡng nuôi con.

[7] Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của chị Dương Thị T và ý kiến của anh Dương Công C về con chung là có căn cứ nên cần áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung là cháu Dương Thị An Na, sinh ngày 24/10/2008 cho anh Dương Công C được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi, chị Dương Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con vì anh Dương Công C không yêu cầu, chị Dương Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[8] Về tài sản chung: Chị Dương Thị T và anh Dương Công C đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về nợ chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị Dương Thị T và anh Dương Công C có nợ mẹ chị Dương Thị T là bà Lương Thị N số tiền 8.000.000 đồng, nợ hai em trai Dương Thời H và anh Dương Thời T mỗi người là 6.000.000 đồng. Tổng cộng là 20.000.000 đồng. Khi ly hôn chị Dương Thị T yêu cầu mỗi người phải có trách nhiệm trả một phần nợ. Tuy nhiên, qua trình giải quyết vụ án anh Dương Công C không thừa nhận được vay số nợ trên nên ngày 12/01/2018 chị Dương Thị T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị N, anh Dương Thời H và anh Dương Thời T đã có đơn rút yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung và cùng nhất trí không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa nguyên đơn chị Dương Thị T và tại đơn xin xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị N, anh Dương Thời H, anh Dương Thời T đều có ý kiến rút yêu cầu về nợ chung và đề nghị

Tòa án không xem xét giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy các đương sự rút yêu cầu giải quyết về nợ chung là hoàn toàn tự nguyện nên được chấp nhận và căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện về giải quyết khoản nợ chung của vợ chồng. Nếu các đương sự có yêu cầu thì được khởi kiện bằng vụ án khác.

[10] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[11] Về án phí: Nguyên đơn chị Dương Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

[12] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 244; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị T được ly hôn với anh Dương Công C.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Dương Thị An N, sinh ngày 24/10/2008 cho anh Dương Công C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi, chị Dương Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con, chị Dương Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Đình chỉ phần yêu cầu giải quyết khoản nợ chung của vợ chồng.

5. Về án phí: Chị Dương Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Xác nhận chị Dương Thị T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2011/03039 ngày 13 tháng 11 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Dương Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh Dương Công C, bà Lương Thị N, anh Dương Thời H và anh Dương Thời T vắng mặt có quyền kháng cáo bản

án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Dương Thị Ngọc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị T

Hoàng Văn Đạo

Dương Thị Ngọc

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
-
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Ngọc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị T Dương Công Thịnh

Dương Thị Ngọc

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND thành phố Lạng Sơn;
- Chi cục THADS thành phố Lạng Sơn;
- UBND xã Quảng Lạc;
- Các đương sự;
-
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Ngọc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Lan Anh

Nguyễn Đức Hồi

Dương Thị Ngọc

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn;
- Chi cục THA dân sự thành phố Lạng Sơn;
- UBND phường Vĩnh Trại;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Dương Thị Ngọc